

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày 24-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Lát

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: phường T, quận B, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh H**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã C. Địa chỉ: Khóm M, Phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Hoàng T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp N, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Võ Mộng N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/4/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/02/2021, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng với anh Trần Hoàng T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng cho anh T vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm; thanh toán trả lãi 08 tháng/lần, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 08 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Trần Hoàng T đã tự nguyện giao cho Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 723597, có diện tích 9336m² (loại đất: 1L), thửa số 271; tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Ngã Tư, xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Trần Văn K ngày 25/10/1996 và hộ ông K đã chuyển nhượng cho anh Trần Hoàng T ngày 21/4/2020. Hai bên không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Hoàng T vay số tiền 200.000.000 đồng theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 23 tháng 02 năm 2021. Đến hạn trả cuối cùng ngày 23/10/2021 anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc theo thỏa thuận, dẫn đến nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đến gặp anh T đôn đốc trả nợ nhưng anh T không thực hiện. Sau khi Ngân hàng làm đơn khởi kiện tại Tòa án, đến ngày 19/4/2023 anh T đã trả cho Ngân hàng được số tiền lãi 32.801.712 đồng. Đồng thời, anh T còn nợ Ngân hàng N tính đến ngày ngày 19/4/2023 là: 227.184.931 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 11.564.384 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 15.620.547 đồng.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Hoàng T cùng vợ của anh T là chị Võ Mộng N liên đới thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nêu trên là: 227.184.931 đồng, trong đó: nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.564.384 đồng, nợ lãi quá hạn: 15.620.547 đồng.

Vợ chồng anh Trần Hoàng T, chị Võ Mộng N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143 kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2023 đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ. Sau khi vợ chồng anh T, chị Nghi thanh toán xong nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 723597 ngày 25/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu cấp cho hộ Trần Văn K và hộ ông Trần Văn K đã chuyển nhượng lại cho anh Trần Hoàng T ngày 21/4/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày

21/4/2023, bị đơn anh Trần Hoàng T trình bày:

Về thời điểm ký kết hợp đồng vay vốn, số tiền vay, lãi suất thỏa thuận, mục đích và thời hạn vay, anh thống nhất với lời trình bày của ông Trần Thanh Hoàng – Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N trình bày tại phiên hòa giải ngày 13/3/2023.

Tính đến ngày 13/3/2023, anh còn nợ Ngân hàng N số tiền là: 255.175.342 đồng. Trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.619.178 đồng và nợ lãi quá hạn là 14.556.164 đồng. Sau đó, đến ngày 19/4/2023, vợ chồng anh có thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 32.801.712 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nuôi tôm sú hàng năm luôn bị thất mùa, cho nên vợ chồng anh chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết. Khi vay vốn, anh có giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để đảm bảo cho việc thanh toán nợ. Trong thời gian sắp tới, hàng tháng anh sẽ cố gắng thanh toán một ít tiền trong khả năng của mình cho Ngân hàng cho đến khi dứt điểm số nợ nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua xem xét đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Việc nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng anh Trần Hoàng T, chị Võ Mộng N liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn thiếu là 227.184.931 đồng. Trong đó, nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.564.384 đồng, nợ lãi quá hạn: 15.620.547 đồng là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, vợ chồng anh T, chị Nghi còn tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi vợ chồng anh T, chị Nghi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 23/02/2021, anh Trần Hoàng T có ký hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143 với Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng (kể từ ngày 23/02/2021 đến ngày 23/10/2021). Cách thức thanh toán nợ là anh T phải trả nợ gốc và lãi vào cuối kỳ ngày 23/10/2021. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, anh T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 23/10/2021 là đợt cuối cùng để anh T thanh toán nợ gốc và lãi nhưng anh T không thực hiện nên anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143 ngày 23/02/2021 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên việc Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Trần Hoàng T phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trong hạn 11.564.384 đồng, thời hạn từ 01/10/2022 đến 19/4/2023 với mức lãi suất là 10.5%/năm (0,875%/tháng); lãi quá hạn 15.620.547 đồng, thời hạn từ 24/10/2021 đến 19/4/2023 với mức lãi suất là 15,75%/năm (1,3125/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...”. Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143 ngày

23/02/2021 thì Ngân hàng và anh T thỏa thuận lãi suất cho vay là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà vợ chồng anh T, chị Nghi phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 227.184.931 đồng. Trong đó, nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.564.384 đồng và nợ lãi quá hạn: 15.620.547 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn còn phải trả là 27.184.931 đồng (sau khi đã trừ đi số tiền lãi 32.801.712 đồng mà anh T đã trả cho Ngân hàng vào ngày 19/4/2023). Do đó, tổng số tiền lãi mà anh T còn phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 19/4/2023 là 27.184.931 đồng và số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 723597 ngày 25/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu cấp cho hộ Trần Văn K và hộ ông Trần Văn K đã chuyển nhượng lại cho anh Trần Hoàng T ngày 21/4/2020, khi vay vốn anh T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu cho Ngân hàng để làm tin trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những cơ sở phân tích tại các mục số [4] và [5] nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nghi (vợ của anh T) phải liên đới chịu án phí số tiền 11.359.246 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, về việc yêu cầu bị đơn anh Trần Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Mộng N (vợ của anh T) liên đới thanh toán tổng số tiền 227.184.931 đồng (trong

đó, vốn gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 27.184.931 đồng) của hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100143 ngày 23/02/2021.

- Buộc bị đơn anh Trần Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Mộng N (vợ của anh T) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 227.184.931 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, một trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi một đồng*). Trong đó, vốn gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 27.184.931 đồng.

2. Kể từ ngày 20/4/2023, vợ chồng anh Trần Hoàng T, chị Võ Mộng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng anh T, chị Nghi phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.631.000 đồng theo biên lai thu số 0004435 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn anh Trần Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Mộng N (vợ của anh T) phải liên đới chịu án phí số tiền 11.359.246 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua

